

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hoa
Ông Triệu Khánh Long

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Tú Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Vĩnh Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thúy L**, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp PL, xã PL, huyện BT, tỉnh Bến Tre; (vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Thạch Văn Th**, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp VTB, xã VH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2019, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L trình bày:

Chị L kết hôn với anh Thạch Văn Th vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện BT, tỉnh BT và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/6/2010, trong thời gian sống chung có con chung 01 đứa tên: Thạch Thanh Ph (nam, sinh ngày 09/11/2010)

Từ lúc cưới nhau vợ chồng sống chung tại nhà chồng ấp VTB, xã VH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và ở đây cho đến năm 2015 thì chị L bỏ anh Th về sống bên cha mẹ ruột của chị tại ấp PL, xã PL, huyện BT, tỉnh Bến Tre và sống tại

đây cho đến hôm nay, phần anh Th thì ở bên nhà cha mẹ ruột của anh tại ấp VTB, xã VH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Trong những năm tháng đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2014 thì mất hạnh phúc lý do, qua thời gian sống chung hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh chấp cãi vã, nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, dần dần tình cảm càng phai nhạt, hai bên không thể khắc phục được. Chị L và anh Th đã ly thân từ năm 2015 cho đến hôm nay, hai bên không còn qua lại nữa.

Nay chị L nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tồn tại. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Thạch Văn Th.

Về con chung: Thạch Thanh Ph (nam, sinh ngày 09/11/2010) đang sống với anh Th, con đã lớn khôn tùy theo nguyện vọng của con, nếu con muốn sống với cha, chị L không phản đối, nếu con muốn sống với mẹ, chị L nhận nuôi và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Thạch Văn Th đã được cấp tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Th không tham gia và cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung, sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn anh Th;

+ Về con chung: Giao cháu Thạch Thanh Ph (nam, sinh ngày 09/11/2010) cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Do không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L vắng mặt, nhưng có đơn đề ngày 23/9/2019 yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Thạch Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng anh Th vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh Th.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Thạch Văn Th và yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng con chung. Nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Thạch Văn Th có địa chỉ tại ấp VTB, xã VH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã VC.

Về nội dung

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị L với anh Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện BT, tỉnh BT ngày 14 tháng 6 năm 2010. Quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh Th là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống rất hạnh phúc, nhưng từ năm 2015 anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, dần dần tình cảm càng phai nhạt, không thể khắc phục được và anh chị đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Chị L không còn tình cảm với anh Th nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với anh Th. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[5] Về con chung: Có một con chung tên Thạch Thanh Ph (nam, sinh ngày 09/11/2010) hiện đang do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Thấy, tại biên bản ghi ý kiến cháu Phúc có nguyện vọng được cha là người trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu mẹ cấp dưỡng, chị L cũng đồng ý giao con chung cho anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng và anh Th không có ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con. Nên cần tiếp tục giao cháu Phúc cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Do không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy L được ly hôn với anh Thạch Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Thanh Ph (nam, sinh ngày 09/11/2010) cho anh Thạch Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thúy L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007898 ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng, chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số

điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST;
- VKSND tỉnh ST;
- VKSND TX. VC;
- THADS TX. VC;
- UBND xã PL, huyện BT, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng